

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/DS-ST

Ngày 22/7/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2021/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị M; địa chỉ: Tổ dân phố 09, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Y J (Y Jong, Ma N), bà H L; địa chỉ: Bon S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Quang N; địa chỉ: Tổ dân phố 09, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Bích T; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Y N, bà H-Siau, bà H-H; địa chỉ: Bon S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Vũ Thị

M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Trong năm 2019 thì ông Y J, bà H L có phát sinh quan hệ vay mượn tiền và cà phê với bà, cụ thể:

Về việc vay mượn cà phê:

Năm 2019 bà có cho ông Y J, bà H L ứng tiền chốt giá cà phê nhân tại thời điểm, số tiền ông Y J, bà H L ứng là 36.000.000 đồng, tương ứng với 1.106kg cà phê nhân, khi vay ông Y J, bà H L hẹn tới tháng 9 năm 2020 sẽ thanh toán số cà phê trên cho bà, tuy nhiên đến nay vẫn chưa trả. Tại phiên tòa hôm này bà yêu cầu ông Y J, bà H L phải trả tổng số cà phê nhân tới thời điểm xét xử là 1.815kg, trong đó nợ gốc là 1.106kg, nợ lãi là 709kg.

Năm 2020 bà tiếp tục cho ông Y J, bà H L ứng tiền chốt giá cà phê tươi tại thời điểm, số tiền ông Y J, bà H L ứng là 28.199.600 đồng, tương ứng với 5.127,2kg cà phê tươi, đối với khoản vay này ông Y J, bà H L đã trả được cho bà 3.296,1kg cà phê tươi và còn nợ lại 1.831,1kg. Tại phiên tòa hôm này bà yêu cầu ông Y J, bà H L phải trả tổng số cà phê tươi tới thời điểm xét xử là 2.633kg, trong đó nợ gốc là 1.831,1kg, nợ lãi là 801,9kg.

Về việc vay mượn tiền:

Ngày 20/10/2019 bà có cho ông Y J, bà H L vay số tiền 180.000.000 đồng, lãi suất 2000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn thanh toán là 07 ngày, đối với khoản vay này ông Y J, bà H L đã thanh toán cho bà được số tiền gốc là 86.000.000 đồng và còn nợ lại 94.000.000 đồng. Ngày 21/01/2020, bà Miền viết giấy xác nhận ông Y J, bà H L còn nợ 94.000.000 đồng. Về tiền lãi thì ông Y J, bà H L chưa thanh toán cho bà, tổng số tiền lãi từ ngày 21/01/2020 đến ngày 08/6/2020 là 56.400.000 đồng, sau đó bà đã cộng dồn tiền lãi và tiền gốc để viết giấy xác nhận ông Y J, bà H L còn nợ số tiền 150.400.000 đồng, đối với khoản vay này ông Y J, bà H L chưa thanh toán cho bà. Tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu ông Y J, bà H L phải trả số tiền gốc là 94.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 21/01/2020.

Ngày 23/8/2020 bà cho ông Y J, bà H L vay thêm số tiền 178.600.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn thanh toán ngày 29/8/2020, đối với khoản vay này ông Y J, bà H L đã trả được cho bà 3.000.000 đồng tiền lãi, đối với số tiền gốc và lãi còn lại ông Y J, bà H L chưa thanh toán cho bà. Tại phiên tòa bà yêu cầu ông Y J, bà H L phải trả số tiền gốc là 178.600.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 23/8/2020.

Ngày 20/4/2021 bà tiếp tục cho ông Y J, bà H L vay số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, lãi suất 20%/tháng, thời hạn thanh toán 20/5/2021, đối với khoản vay này ông Y J, bà H L chưa thanh toán cho bà, để đảm bảo cho khoản vay thì ông Y J, bà H L có thể chấp cho bà 01 giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CO 994640 đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 17, diện tích 2930m², đất tại xã Thuận An, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông. Tại phiên tòa bà yêu cầu ông Y J, bà H L phải trả số tiền gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 20/4/2021.

Tại phiên tòa bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil giải quyết buộc ông Y J, bà H L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền gốc là 402.600.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật; 1.815kg cà phê nhân; 2.633kg cà phê tươi.

- Theo lời khai của bị đơn ông Y J, bà H L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Vào năm 2019 đến năm 2020 ông bà thừa nhận có phát sinh việc vay mượn tiền và cà phê với bà Vũ Thị M, cụ thể.

Ngày 22/10/2019 ông bà có vay bà Miền số tiền 180.000.000 đồng, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Ông bà đã thanh toán được cho bà Miền 86.000.000đồng. Ngày 21/01/2020, bà Miền viết giấy có nội dung ông Y J, bà H L còn nợ bà Miền số tiền 94.000.000 đồng, do không có tiền trả lãi, nên bà Miền tính lãi từ ngày 21/01/2020 đến ngày 20/6/2020 là 5 tháng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, ông bà đã trả được cho bà Miền 01 tháng lãi với số tiền 15.000.000 đồng, nên bà Miền viết giấy cho ông bà xác nhận nợ gốc của ông bà là 94.000.000 đồng, lãi 04 tháng là 56.400.000 đồng, sau đó bà Miền cộng tiền gốc của số tiền 94.000.000 đồng và lãi 56.400.000 đồng để thành số tiền 150.400.000 đồng của ngày 08/6/2020.

Đối với khoản vay 178.600.000 đồng thì ông bà không có vay bà Miền, số tiền này là tiền gốc và tiền lãi từ số tiền 180.000.000 đồng mà có.

Đối với số tiền 130.000.000 đồng vay ngày 20/4/2021; cà phê nhân 1.106kg; cà phê tươi 1.831,1kg thì ông bà thừa nhận còn nợ bà Miền.

Do việc trả nợ gốc và lãi cho bà Miền không có giấy tờ gì để chứng minh, do đó tại phiên tòa ngày hôm nay ông bà thừa nhận còn nợ lại bà Vũ Thị M số tiền 94.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật; 130.000.000 đồng vay ngày 20/4/2021 và lãi suất theo quy định của pháp luật, số cà phê nhân 1.106, số cà phê tươi 1.831,1kg, ông bà chỉ đồng ý trả cho bà Miền số tiền 224.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, số cà phê nhân 1.106, số cà phê tươi 1.831,1kg.

- Theo lời khai của người làm chứng ông Y N, bà H-S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Ông, bà chỉ chứng kiến việc ông Y J, bà H L có vay bà Miền số tiền 180.000.000 đồng, còn việc các bên trả nợ với nhau như thế nào thì ông, bà không biết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự

kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468, 469 BLDS 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Y Jong, bà H L phải trả cho bà Vũ Thị M:

- Số tiền gốc 94.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10% tính từ ngày 21/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Số tiền gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- 1.106kg cà phê nhân xô và 1.831,1 kg cà phê tươi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: ông Y Jong, bà H L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; bà Miền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1], Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn ông Y J, bà H L có địa chỉ tại Bon S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2], Về nội dung vụ án: Từ năm 2019 đến năm 2020 ông Y J, bà H L có phát sinh quan hệ vay mượn tiền, cà phê với bà Vũ Thị M, cụ thể việc vay mượn như sau:

- Về việc vay mượn cà phê:

Năm 2019 bà Vũ Thị M có cho ông Y J, bà H L ứng tiền chốt giá cà phê nhân tại thời điểm ứng với số tiền 36.000.000 đồng, tương ứng với 1.106kg cà phê nhân, lãi suất 3%/năm, thời hạn thanh toán vào tháng 9 năm 2020, đến thời hạn thanh toán do ông Y J, bà H L chưa thanh toán khoản vay trên, nên bà Miền đã tính lãi (331,8kg) thành 1.437,8kg cà phê nhân.

Ngày 18/10/2020 bà Vũ Thị M có cho ông Y J, bà H L ứng tiền chốt giá cà phê tươi tại thời điểm ứng với số tiền 28.199.600 đồng, tương ứng với 5.127,2kg cà phê tươi, đối với khoản vay này ông Y J, bà H L đã trả được cho bà Miền 3.296,1kg cà phê tươi, hiện còn nợ lại 1.831,1kg.

- Về việc vay mượn tiền:

+ Ngày 20/10/2019 bà Vũ Thị M có cho ông Y J, bà H L vay số tiền 180.000.000 đồng, quá trình vay mượn ông Y J, bà H L đã thanh toán được cho bà Miền số tiền gốc là 86.000.000 đồng, còn nợ lại 94.000.000 đồng, đến ngày 21/01/2020 bà Miền ghi lại sổ nợ thể hiện ông Y J (Ma Nghệ) có vay 94.000.000 đồng, đối với số nợ 94.000.000 đồng do ông Y J, bà H L chưa thanh toán tiền lãi, do đó bà Miền đã tính tiền lãi đối với số tiền gốc 94.000.000 đồng từ ngày 21/01/2020 đến ngày 20/6/2020 là 05 tháng với mức lãi suất 15%/tháng để thành số tiền 56.400.000 đồng ($94.000.000 \text{ đồng} \times 15\% \text{ tháng} \times 4 \text{ tháng} = 56.400.000 \text{ đồng}$), đối với khoản vay này ông Y J, bà H L đã trả được cho bà Miền tiền lãi 01 tháng với số tiền 15.000.000 đồng, do đó bà Miền chỉ tính lãi 04 tháng; sau đó bà Miền gạch sổ nợ của ngày 21/01/2020 để cộng số tiền gốc 94.000.000 đồng và tiền lãi 56.400.000 đồng để thành số tiền 150.400.000 đồng và chuyển sổ xuống ngày 08/6/2020 với nội dung “ngày 08/6/2020 Ma Nghệ nợ tiền = 150.400.000 đồng...trả nợ vào ngày 20/6/2020...”.

Do ông Y J, bà H L chưa có tiền thanh toán, do đó bà Miền tiếp tục tính lãi của số tiền gốc 94.000.000 đồng từ ngày 20/6/2020 đến ngày 20/8/2020 với mức lãi suất 15%/tháng để thành số tiền 28.200.000 đồng ($94.000.000 \text{ đồng} \times 15\% \text{ tháng} \times 02 \text{ tháng} = 28.200.000 \text{ đồng}$), sau đó bà Miền lấy số tiền 150.400.000 đồng của ngày 08/6/2020 cộng với 28.200.000 đồng tiền lãi để thành số tiền 178.600.000 đồng, sau đó bà Miền đã xuống sổ và ghi nội dung “làm giấy ngày 23/8/2020 Ma Nghệ nợ số tiền 178.600.000 đồng...”.

+ Ngày 20/4/2021 bà Vũ Thị M có cho ông Y J, bà H L vay tiếp số tiền 130.000.000 đồng, các bên có thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên không ghi vào giấy nợ, để bảo đảm cho khoản vay thì ông Y J, bà H L có thể chấp cho bà Miền 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 994640 đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 17, diện tích 2930m², đất tại xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil cấp ngày 17/9/2018 cho ông Y J, bà H L.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[3], Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1]: Về nợ gốc

- Yêu cầu bị đơn trả 1.831,1kg cà phê tươi và 1.106kg cà phê nhân, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình vay mượn đến thời hạn thanh toán việc ông Y J, bà H L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Miền là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó việc bà Vũ Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu ông Y J, bà H L phải có nghĩa vụ thanh toán số cà phê tươi 1.831,1kg và số cà phê nhân 1.106kg là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

- Yêu cầu bị đơn trả số tiền 130.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình vay mượn đến thời hạn thanh toán việc ông Y J, bà H L không thực

hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Miên là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó việc bà Vũ Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu ông Y J, bà H L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 130.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

- Yêu cầu bị đơn trả số tiền 94.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình vay mượn đến thời hạn thanh toán việc ông Y J, bà H L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Miên là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó việc bà Vũ Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu ông Y J, bà H L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 94.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

- Yêu cầu bị đơn trả số tiền 178.600.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là không có căn cứ, bởi lẽ: Bản chất của số tiền 178.600.000 đồng được hình thành từ số tiền gốc 94.000.000 đồng bà Miên làm lại sổ với ông Y J, bà H L ngày 21/01/2020, do không có tiền trả đối với số nợ 94.000.000 đồng, nên bà Miên đã tính tiền lãi đối với số tiền 94.000.000 đồng từ ngày 21/01/2020 đến ngày 20/6/2020 với mức lãi suất 15%/tháng để thành số tiền 56.400.000 đồng ($94.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/\text{tháng} \times 4\text{tháng} = 56.400.000 \text{ đồng}$), sau đó bà Miên gạch sổ nợ của ngày 21/01/2020 để cộng số tiền gốc 94.000.000 đồng và tiền lãi 56.400.000 đồng để thành số tiền **150.400.000 đồng** và chuyển sổ xuống ngày 08/6/2020; đến thời hạn thanh toán nợ ông Y J, bà H L tiếp tục chưa có tiền thanh toán, do đó bà Miên tiếp tục tính lãi của số tiền 94.000.000 đồng từ ngày 20/6/2020 đến ngày 20/8/2020 với mức lãi suất 15%/tháng để thành số tiền 28.200.000 đồng ($94.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 28.200.000 \text{ đồng}$), sau đó bà Miên lấy số tiền 150.400.000 đồng của ngày 08/6/2020 cộng với số tiền lãi 28.200.000 đồng để thành số tiền **178.600.000 đồng**, do đó đối với yêu cầu này của bà Vũ Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3.2]: Về lãi suất phát sinh

Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

- Về yêu cầu tính lãi với số tiền 94.000.000 đồng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị M yêu cầu trả lãi từ ngày 21/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với khoản vay này trong quá trình vay mượn thì giữa bà Miên, ông Y J, bà H L không xác định rõ mức lãi suất khi

cho vay và trong trường hợp có tranh chấp về lãi suất, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự với mức lãi suất 0,83%/tháng để tính lãi suất cho nguyên đơn. Do đó cần buộc bà ông Y J, bà H L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị M số tiền lãi cho đến ngày xét xử là $94.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 23.526.111 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu tính lãi với số tiền 130.000.000 đồng: Tại phiên tòa bà Vũ Thị M yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi từ ngày 20/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên không ghi vào giấy nợ, nên không xác định rõ lãi suất, tại phiên tòa các bên đương sự có tranh chấp về lãi suất, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự với mức lãi suất 0,83%/tháng để tính lãi suất cho nguyên đơn. Do đó cần buộc ông Y Jon, bà H L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị M số tiền lãi 16.436.768 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật ($130.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 16.436.768 \text{ đồng}$).

- Về yêu cầu tính lãi với số tiền 178.600.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị M yêu cầu trả lãi từ ngày 29/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền 33.884.389 đồng, đối với yêu cầu này của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy là không có căn cứ, bởi lẽ số tiền 178.600.000 đồng được hình thành là từ số tiền gốc 94.000.000 đồng ban đầu ông Y J, bà H L vay bà Vũ Thị M, do đó không có căn cứ để chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi đối với số cà phê nhân là 709kg và số cà phê tươi là 801,9kg, Hội đồng xét xử xét thấy là không có căn cứ để chấp nhận, vì theo quy định tại khoản 1 Điều 463 thì *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”*.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

[4] Về án phí DSST: Các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 33; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị M, buộc bị đơn ông Y J, bà H L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị M tổng

số tiền là 263.962.879 đồng, trong đó tiền gốc là 224.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 39.962.879 đồng; 1.106kg cà phê nhân xô 2R5%; 1.831,1kg cà phê tươi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Biên bản xác minh giá cả phê tại thời điểm (cà phê nhân 42.700đồng/kg; cà phê tươi 8.500đồng/kg.

Buộc ông Y J, bà H L phải chịu 16.337.671 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Buộc bà Vũ Thị M phải chịu 12.478.741 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.687.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000602 ngày 01/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Trả lại cho bà Miền số tiền tạm ứng án phí còn dư là 208.259 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Nguyên đơn; bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện ĐắkMil;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Minh

